

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁP MƯỜI
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2020/DS-ST
Ngày: 12/6/2020
*“Về việc tranh chấp chia thừa kế
quyền sử dụng đất”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Văn Thanh
Ông Lê Văn Vững.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười tham gia phiên tòa: Ông Ngô Văn Lượng - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29/5, 05/6 và ngày 12 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 70/2018/TLST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2018, về việc “Tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 02/2020/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2020 và Thông báo mở lại phiên tòa số 70/TB-TA ngày 04 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Bùi Văn H, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Ấp 5B, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Bà Bùi Thị T, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Ấp 5B, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Bùi Văn Bé T1, sinh năm 1974.

2/ Ông Trần Văn T2, sinh năm 1964.

3/ Anh Trần Văn H, sinh năm 1984.

4/ Anh Trần Văn L, sinh năm 1982.

5/ Anh Trần Chí N, sinh năm 1991.

6/ Chị Trần Thị Cẩm V, sinh năm 1992.

7/ Chị Trần Thị V2, sinh năm 1990.

8/ Chị Nguyễn Thị Ngọc P, sinh năm 1982.

Cùng địa chỉ: Ấp 5B, xã T, huyện T, Đồng Tháp.

(Ông H có mặt tại phiên tòa. Bà T, ông T1, ông t2, anh H, anh L, anh N, chị V, chị V2 và chị P vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Bùi Văn H trình bày:

Mẹ ruột ông là cụ Lê Thị P chết vào năm 2008. Cụ P có 03 người con là Bùi Thị T, Bùi Văn H và Bùi Văn Bé T1. Sau khi chết, Cụ P để lại tổng diện tích đất là 56.486m², thuộc các thửa 136, 137, 142, 244 và 621 cùng tờ bản đồ số 03 tọa lạc tại xã T, huyện T; Qua đo đạc diện tích thực tế là 53.484,2m² (đã trừ diện tích Bờ kênh). Trước khi chết Cụ P có chia đôi đất từ kinh giữa vào Mỹ Hồ cho ông H và bà T mỗi người một bên. Khi đó, do Cụ P còn nợ Ngân hàng nên chưa tách quyền sử dụng đất cho ông H, bà T được. Đến khi Cụ P chết được 02 năm thì bà T lấy luôn phần đất từ kinh giữa vào kinh K27 của ông H được Cụ P cho trước khi chết theo thừa kế.

Hoàn cảnh của ông H rất khó khăn, vợ bỏ, để lại 02 con vừa nuôi, vừa trả nợ cho mẹ, bà T thì chiếm lấy phần đất mà Cụ P cho ông, nên cuộc sống của ông H vừa làm thuê làm mướn mà không đủ ăn, cuộc sống đã khó khăn lại càng khó khăn hơn.

Năm 2014, tại Tòa án huyện T ông H và bà T đã thống nhất được nội dung: Toàn bộ diện tích đất Cụ P để lại được Tòa án xác định trong Bản đồ đo đạc ngày 02/5/2014; Theo đó, bà T được nhận 29.000m², phần diện tích này gồm 02 phần: diện tích bà đang sử dụng đo tiếp giáp với phần đất anh L, anh H đang làm trong thời gian ngày 05/8/2014. Đo cho đủ phần đất L, H, ông T2 canh tác phụ bà T, còn lại 27.486m² thuộc về ông H. Sau khi thống nhất xong ông H có đến đăng ký tại địa chính huyện để đo tách đất theo thừa kế thì địa chính vào đo nhưng không được vì còn dính phần tranh chấp giữa bà T và bà H nên không đo tách được. Ngoài ra, trên bà T canh tác luôn phần đất của ông H được thừa kế khoảng 8.000m², rồi cho máy cuốc vào phá bờ bên phần đất của ông H. Sau đó

ông có nhờ địa chính Huyện vào đo tách đất cho ông thì bị ông T2 và anh L chửi, dùng dao và cây ngăn cản nên đến nay không tách được quyền sử dụng đất.

Nay, ông H yêu cầu được hưởng thừa kế di sản của bà P diện tích đo đạc thực tế 24.766,5m² (trong đó: 18.958,5m² thuộc thửa 244; 4.827,4m² thuộc thửa 621 và 980,6m² thuộc một phần thửa 137 cùng tờ bản đồ số 3 tọa lạc tại xã T, huyện T, trong phạm vi các mốc M1, M2, M3, M4, M5, M8, M9, M6 đến M1 và các mốc M22, M23, M24, M25, M26, M27 đến M22 theo Tờ phụ lục kèm theo trích đo theo Công văn số 19/2019/QĐ-XXTĐTC ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện T. Và yêu cầu hộ bà T di dời toàn bộ cây trồng đã trồng trên phần đất mà ông H được hưởng thừa kế để giao trả đất cho ông canh tác.

Bị đơn bà Bùi Thị T vắng mặt tại các phiên hòa giải, phiên tòa và không có văn bản trình bày ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn Bé T1 trình bày:

Theo văn bản ý kiến, ông T1 trình bày không yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất đang tranh chấp vì lúc Cụ P còn sống đã cho ông phần đất khác rồi. Ông không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T2, Trần Văn H, Trần Văn L, Trần Chí N, Trần Thị Cẩm V, Trần Thị V2, Nguyễn Thị Ngọc P vắng mặt tại các phiên hòa giải, phiên tòa và không có văn bản trình bày ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Ông Bùi Văn H và Bùi Văn Bé T1 đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Đối với bà Bùi Thị T, ông Trần Văn T2, anh Trần Văn H, anh Trần Văn L, anh Trần Chí N, chị Trần Thị Cẩm V, chị Trần Thị V2, chị Nguyễn Thị Ngọc P đã được Tòa án tổng đạt và triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt và không có văn bản ý kiến.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận theo yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp giữa các bên là “Tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất”.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Do phần đất đang tranh chấp tọa lạc tại xã Trường Xuân, huyện Tháp Mười nên căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười.

[3] Về tố tụng: Bà Bùi Thị T, ông Trần Văn T2, anh Trần Văn H, anh Trần Văn L, anh Trần Chí N, chị Trần Thị Cẩm V, chị Trần Thị V2, chị Nguyễn Thị Ngọc P đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt; Ông Bùi Văn Bé T1 có đơn xin vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[4] Về nội dung:

[4.1] Căn cứ vào hồ sơ vụ án xác định tổng diện tích đất qua đo đạc thực tế 53.484,2m² (sau khi đã trừ diện tích bờ kênh) thuộc các thửa 136, 137, 142, 244 và 621 cùng tờ bản đồ số 03 tọa lạc tại xã T, huyện T là di sản của cụ Lê Thị P để lại, và hiện Cụ P vẫn còn đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong đó, ông H hiện đang quản lý sử dụng đối với phần đất thuộc thửa 244. Còn lại phần đất thuộc thửa 621, 142, 136 và một phần thửa 137 bà T đang quản lý sử dụng.

[4.2] Xét hàng thừa kế thứ nhất của Cụ P gồm ông H, bà T và ông Bé T1. Ông H cho rằng trước khi chết Cụ P không có để lại di chúc; Đối với ông Bé T1 có văn bản trình bày ý kiến từ chối nhận di sản và cũng không có đề cập đến việc Cụ P trước khi chết có để lại di chúc hay không; Về phía bà T, mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có văn bản trình bày ý kiến cũng như không có nộp các tài liệu chứng cứ cho Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Tờ thỏa thuận ngày 05/8/2014 có chữ ký của bà T, ông H và ông Bé T2 về việc phân chia di sản, xác định trước khi chết Cụ P không có để lại di chúc. Cho nên phần di sản Cụ P để lại sẽ được chia theo pháp luật. Vì ông Bé T2 từ chối nhận

di sản, nên phần di sản của Cụ P sẽ được chia đôi cho đồng thừa kế là ông H và bà T mỗi người được hưởng 26.742,1m². Tuy nhiên, ông H chỉ yêu cầu được hưởng 24.766,5m² (gồm diện tích 18.958,5m² thuộc thửa 244; 4.827,4m² thuộc thửa 621 và 980,6m² thuộc một phần thửa 137, đất trong phạm vi các mốc M1, M2, M3, M4, M5, M8, M9, M6 đến M1 và các mốc M22, M23, M24, M25, M26, M27 đến M22 theo Tờ phụ lục kèm theo trích đo theo Công văn số 19/2019/QĐ-XXTĐTC ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười. Xét thấy ông H tự nguyện nhận phần giá trị di sản thừa kế ít hơn so phần di sản ông được hưởng theo quy định của pháp luật mà không yêu cầu trả thêm giá trị, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với các cây trồng mà hộ bà T đã trồng trên phần đất ông H được hưởng thừa kế thì hộ bà T có trách nhiệm di dời để giao đất cho ông H canh tác.

[5] Như vậy, từ những cơ sở như đã phân tích trên chấp nhận theo yêu cầu khởi kiện của ông H; Đối với diện tích còn lại 28.717,7m² là phần di sản thừa kế bà T được hưởng. Tuy nhiên, do bà không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, ghi nhận trong bản án. Hiện tại bà T đang quản lý, sử dụng phần diện tích 28.717,7m² thuộc thửa 136, một phần thửa 137 và một phần thửa 142, đất trong phạm vi các mốc M5, M4, M7, M8 đến M5 và các mốc M10, M11, M12, M13, M20, M21, M22, M23, M18, M16, M15 đến M10.

[6] Xét ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận như đã phân tích trên.

[7] Về chi phí tố tụng sơ thẩm: Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự, ông H phải chịu chi phí định giá (Ông H đã tạm ứng và đã chi xong).

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của ông H được chấp nhận nên ông phải chịu án phí trên giá trị phần di sản ông được hưởng. Tuy nhiên, do có thân nhân là liệt sĩ nên ông H được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm. Như vậy, hoàn trả cho ông Bùi Văn H số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm ông đã nộp là 22.492.000 đồng theo Biên lai thu số 01865 ngày 02/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 165 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 649, Điều 650, Điều 651 và Điều 660 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 170 Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn H, yêu cầu được hưởng thừa kế 24.766,5m² (gồm diện tích 18.958,5m² thuộc thửa 244; 4.827,4m² thuộc thửa 621 và 980,6m² thuộc một phần thửa 137 tọa lạc tại xã Trường Xuân huyện Tháp Mười), đất trong phạm vi các mốc M1, M2, M3, M4, M5, M8, M9, M6 đến M1 và các mốc M22, M23, M24, M25, M26, M27 đến M22 theo Tờ phụ lục kèm theo trích đo theo Công văn số 19/2019/QĐ-XXTĐTC ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười.

Ông Bùi Văn H được quyền đi đăng ký, kê khai với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được cấp quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất trên.

Đề nghị UBND huyện Tháp Mười thu hồi diện tích 24.766,5m² (gồm diện tích 18.958,5m² thuộc thửa 244; 4.827,4m² thuộc thửa 621 và 980,6m² thuộc một phần thửa 137) tọa lạc tại xã T huyện T), đất trong phạm vi các mốc M1, M2, M3, M4, M5, M8, M9, M6 đến M1 và các mốc M22, M23, M24, M25, M26, M27 đến M22 theo Tờ phụ lục kèm theo trích đo theo Công văn số 19/2019/QĐ-XXTĐTC ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, do bà Lê Thị P đứng tên để cấp lại cho ông Bùi Văn H.

Buộc hộ bà Bùi Thị T có trách nhiệm giao cho ông Bùi Văn H quản lý sử dụng phần diện tích 4.827,4m² thuộc thửa 621 và 980,6m² thuộc một phần thửa 137 cùng tờ bản đồ số 3 tọa lạc tại xã T huyện T, đất trong phạm vi các mốc M1, M2, M3, M4, M5, M8, M9, M6 đến M1 theo Tờ phụ lục kèm theo trích đo theo Công văn số 19/2019/QĐ-XXTĐTC ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười. Hộ bà Bùi Thị T có trách nhiệm di dời toàn bộ cây trồng đã trồng trên phần đất ông H được hưởng thừa kế.

Chi phí tố tụng sơ thẩm: Ông Bùi Văn H phải chịu chi phí định giá tài sản (ông H đã tạm ứng và đã chi xong).

Án phí dân sự sơ thẩm:

Hoàn trả ông Bùi Văn H số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm ông đã nộp là 22.492.000 đồng theo Biên lai thu số 01865 ngày 02/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười.

Ông Bùi Văn H có quyền kháng cáo bản án này trong 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn này được tính từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tháp Mười;
- Chi cục THADS huyện Tháp Mười;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, (ML).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thanh Tuấn